

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2013***1 . THÔNG TIN CHUNG****1.1 . Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 11/05/2012.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 125.948.570.000 đồng; tương đương 12.594.857 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Đà Nẵng	Quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cho thuê bất động sản
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp chế biến nông lâm sản hàng thủ công mỹ nghệ xuất khẩu	H.Thường Tín Tp Hà Nội	Cho thuê kho bãi
Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam	Huyện Xuân Lộc, Tỉnh Đồng Nai	Thương mại và dịch vụ xuất nhập khẩu

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 13.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tạp phẩm, hàng công nghiệp, gia công chế biến trong nước và nhập khẩu, các sản phẩm dệt may (trừ loại Nhà nước cấm);
- Kinh doanh máy móc thiết bị, nguyên nhiên liệu phục vụ sản xuất, vật liệu xây dựng, hóa chất Nhà nước không cấm, phương tiện vận tải;
- Bán buôn thực phẩm (Bán buôn dầu, mỡ động thực vật);
- Kinh doanh thức ăn và nguyên liệu sản xuất thức ăn thủy hải sản, hóa chất và giống phục vụ nuôi trồng thủy hải sản, cây giống phục vụ nông nghiệp, phân bón, trang thiết bị y tế, dụng cụ trong ngành y dược (trừ hóa chất Nhà nước cấm);
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, tạp phẩm, hóa chất tẩy rửa (trừ hóa chất Nhà nước cấm), mỹ phẩm (trừ loại mỹ phẩm có hại cho sức khỏe con người), đồ gia dụng, điện máy, điện tử, điện lạnh, rượu, bia, nước giải khát (không bao gồm kinh doanh quán bar);

1.2 . Ngành nghề kinh doanh (tiếp)

- Sản xuất, gia công, chế biến, lắp ráp: các mặt hàng dệt, may, đồ chơi (trừ loại đồ chơi có hại cho giáo dục nhân cách, sức khỏe của trẻ em hoặc gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự, an toàn xã hội), đồ gỗ, xe máy, điện tử, điện lạnh, đồ gia dụng, nông, lâm, thủy hải sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, bãi, nhà xưởng, phương tiện vận tải, nâng xếp, bốc dỡ hàng hóa;
- Dịch vụ: chuyển khẩu, quá cảnh, khai thuê hải quan, giao nhận hàng hóa, vận chuyển khách, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bánh, kẹo, phụ tùng và thiết bị viễn thông (máy tổng đài và điện thoại các loại), camera;
- Kinh doanh thức ăn gia súc, gia cầm và nguyên liệu sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh các mặt hàng đường, sữa;
- Kinh doanh thiết bị điện tử, tin học.

1.3 . Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do khủng hoảng chung của nền kinh tế thế giới và trong nước và biến động về giá các mặt hàng nông sản làm tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn, doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ năm 2013 giảm 343 tỷ đồng, tương đương 16,5%. Trong năm 2013, Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm thương mại và Chung cư để bán tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội đi vào hoạt động và giao nhà cho người mua góp phần làm doanh thu bất động sản tăng 48 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế tăng lên từ hoạt động trên là 1,5 tỷ đồng.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên và Văn phòng Công ty.

Trong báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

Từ ngày 10/06/2013, Công ty đã thực hiện thay đổi chính sách kế toán đối với tài sản cố định và khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ, cụ thể như sau:

- Nguyên giá tối thiểu của tài sản cố định tăng từ 10 triệu đồng lên 30 triệu đồng. Đối với những tài sản cố định trước đây không thỏa mãn điều kiện này thì giá trị còn lại được điều chỉnh sang Chi phí trả trước dài hạn hoặc ngắn hạn và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời hạn không quá 03 năm tài chính.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

2.9 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
--------------------------	-------------

2.10 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.16 . Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Doanh thu kinh doanh bất động sản

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản, người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn của bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án bất động sản. Chi phí ước tính để xây dựng bất động sản được trích trước và các khoản chi phí thực tế phát sinh sẽ được ghi giảm vào tài khoản phải trả này.

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

2.19 . Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác*Hợp đồng hợp tác kinh doanh*

Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa). Theo đó, TH1 cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa (bao gồm cả các yêu cầu của Đại lý, nhà phân phối, bán buôn, nhà thầu hay đối tác khác có liên quan thông qua đơn hàng của Kowa) và không được chấp nhận bất cứ đơn đặt hàng từ bất kỳ bên nào khác hay không được cung cấp dịch vụ cho bên khác hoặc thỏa thuận khác với bên thứ 3 sử dụng nhà máy, nhân lực và các tài sản liên quan. Hai bên cùng hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc và sản phẩm để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực nhà máy đáp ứng các mục tiêu sản xuất. Lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh được phân bổ đều (50/50) cho các bên và được trả trong vòng 60 ngày sau kỳ kết thúc trước đó. TH1 phải đảm bảo rằng, toàn bộ nhà máy, máy móc thiết bị đều trong tình trạng hoạt động tốt và thuộc sở hữu của TH1, đồng thời phải duy trì tối thiểu 180 công nhân làm việc trong nhà máy.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/TH1-XD/HĐHTKD ngày 28/04/2011 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (TH1) và Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam (gọi tắt là XDNA) để cùng nhau hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản (quặng, thiếc hoặc các loại quặng khác nếu có) thuộc địa phận tỉnh Nghệ An. TH1 đồng ý đầu tư 100% vốn cho toàn bộ quá trình mua sắm trang thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà xưởng, điện nước và các chi phí quản lý liên quan khác cho đến khi ra sản phẩm. Ngay khi có sản phẩm, TH1 được quyền định đoạt bán hàng cho đến khi thu hồi đủ các khoản đầu tư ban đầu. XDNA chịu trách nhiệm cung cấp đầy đủ thủ tục về pháp lý, các nghĩa vụ về thuế. Toàn bộ chi phí liên quan đến các điểm mỏ đã được cấp phép do XDNA bỏ ra trước khi ký hợp đồng sẽ được chấp nhận là khoản đầu tư dài hạn. Sau khi hoàn vốn, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20%-50% và hưởng lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	201.527.151	663.662.938
Tiền gửi ngân hàng	63.093.685.908	100.764.426.425
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	1.019.064.631	1.140.319.409
	64.314.277.690	102.568.408.772

(1): Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 01 tháng tại Ngân hàng TMCP Eximbank Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Eximbank Hùng Vương - Đà Nẵng

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	14.369.559.743	14.575.551.664
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(5.811.291.864)	(5.707.914.921)
	8.558.267.879	8.867.636.743

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	-	14.369.559.743	-	14.575.551.664
- Cổ phiếu Công ty Xi măng Bút Sơn	21	348.600	21	348.600
- Cổ phiếu Công ty Tài chính Dầu khí	-	-	2	27.921
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển du lịch	241.000	3.077.040.000	241.000	3.077.040.000
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall	1.725.000	11.095.610.143	1.725.000	11.095.610.143
- Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh	6.527	196.561.000	15.527	402.525.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(5.811.291.864)	-	(5.707.914.921)
		8.558.267.879		8.867.636.743

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Phải thu về người lao động	910.661.079	969.752.357
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	18.123.365.538	16.742.000.000
Phải thu Công ty TNHH Quang Trung ⁽¹⁾	3.900.116.940	-
Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ⁽²⁾	6.766.751.269	-
Phải thu khác	2.332.182	4.961.540
	29.703.227.008	17.716.713.897

(1): Khoản tiền phải thu của lô hàng thép cuộn cán nóng các loại có khối lượng là 298,65 tấn đã bị Công ty TNHH Quang Trung làm thất thoát. Theo biên bản làm việc của Cơ quan điều tra Công an Thành phố Hà Nội ngày 25/06/2013, Công ty TNHH Quang Trung có trách nhiệm phải bồi thường cho Công ty CP Tổng hợp I giá trị của lô hàng thép cuộn trên.

(2): Khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17TH1-XD/HĐHTKD giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Xăng dầu Việt Nam và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I để hợp tác đầu tư và khai thác các loại khoáng sản thuộc địa phận Tỉnh Nghệ An. Theo đó, TH1 thực hiện đầu tư trang thiết bị, tài sản, quản lý vận hành khai thác mỏ. Ngay sau khi ra sản phẩm, TH1 được quyền quyết định bán sản phẩm cho đến khi hoàn trả hết các khoản đầu tư. Sau khi hoàn vốn trên cơ sở chi phí thực tế, TH1 được quyền quyết định tỷ lệ góp vốn trong phạm vi từ 20% - 50%.

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	322.588.487	238.809.605
Công cụ, dụng cụ	14.075.000	63.592.728
Hàng hoá	38.094.040.112	45.497.287.629
	38.430.703.599	45.799.689.962

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	19.376.280	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	416.196.598	359.564.642
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	38.880.000	-
	474.452.878	359.564.642

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tạm ứng	2.432.029.123	1.665.372.595
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	3.388.671.945	8.180.732.897
	5.820.701.068	9.846.105.492

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2013	3.151.800.000
Tại ngày 31/12/2013	3.151.800.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2013	3.151.800.000
Tại ngày 31/12/2013	3.151.800.000

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	139.855.288.478	85.467.331.500
Tăng	21.815.235.504	56.263.898.804
Kết chuyển tăng Tài sản cố định hữu hình	(7.210.444.371)	(1.875.941.826)
Kết chuyển tăng Bất động sản đầu tư ⁽¹⁾	(41.366.995.251)	-
Kết chuyển giá vốn Bất động sản ⁽¹⁾	(45.878.196.610)	-
Tại ngày 31/12/2013	67.214.887.750	139.855.288.478

Trong đó chi tiết số dư cuối năm bao gồm:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	67.214.887.750	139.855.288.478
Công trình Kho Liên Phương tại Thanh Trì, Hà Nội	295.930	1.050.000
Công trình Kho Đoạn Xá tại Đoạn Xá, Hải Phòng	134.977.971	134.977.971
Công trình khu Tương Mai tại Hoàng Mai, Hà Nội	64.116.235.253	136.755.881.911
Công trình Khu Lũy Bán Bích tại Quận Tân Phú, HCM	2.963.378.596	2.963.378.596
	67.214.887.750	139.855.288.478

(1): Kết chuyển tăng giá trị Bất động sản đầu tư và giá vốn Bất động sản từ Công trình đầu tư xây dựng TTTM và nhà ở để bán tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội. Trong đó, việc xác định giá trị Bất động sản đầu tư và giá vốn Bất động sản đã bán dựa trên Đơn giá xây dựng/m² sàn với diện tích sàn đã cho thuê hoặc đã bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**12 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Nhà cửa, vật kiến trúc
	VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2013	22.626.972.711
Xây dựng cơ bản hoàn thành	41.366.995.251
Tại ngày 31/12/2013	63.993.967.962
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2013	15.494.017.506
Trích khấu hao	2.314.529.656
Tại ngày 31/12/2013	17.808.547.162
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2013	7.132.955.205
Tại ngày 31/12/2013	46.185.420.800

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	30.668.895.429	30.668.895.429
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	8.500.000.000	8.500.000.000
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	20.968.895.429
Đầu tư dài hạn khác	164.077.449.141	164.077.449.141
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(2.870.226.233)	(764.377.091)
	191.876.118.337	193.981.967.479

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2013 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	30,00%	30,00%	Bất động sản
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Quảng Ngãi	20,00%	20,00%	Xây dựng; Mua bán, khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	13.023.962	164.077.449.141	13.023.962	164.077.449.141
		164.077.449.141		164.077.449.141

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay ngắn hạn	518.270.268.018	472.375.511.812
Vay ngân hàng	518.270.268.018	472.375.511.812
- Vay ngân hàng bằng VND	18.664.971.424	22.806.690.574
- Vay ngân hàng bằng USD	499.605.296.594	449.568.821.238
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.500.000.000	3.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	6.500.000.000	3.000.000.000
(Xem thuyết minh 17)		
	524.770.268.018	475.375.511.812

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2013	31/12/2013
	USD	Quy đổi VND
Vay ngắn hạn bằng VND	-	18.664.971.424
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	-	14.628.787.031
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽²⁾	-	4.036.184.393
Vay ngắn hạn bằng USD	23.703.403,24	499.605.296.594
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽¹⁾	6.149.517,75	129.662.581.759
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ⁽²⁾	2.746.357,61	57.906.950.207
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Điện Biên Phủ ⁽³⁾	407.766,87	8.595.725.620
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai ⁽⁴⁾	6.232.800,65	131.325.109.695
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tp Hà Nội ⁽⁵⁾	905.054,46	19.083.073.289
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội ⁽⁶⁾	5.363.464,18	113.088.642.235
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình ⁽⁷⁾	1.898.441,72	39.943.213.789
	23.703.403,24	518.270.268.018

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch	6.500.000.000	3.000.000.000
	6.500.000.000	3.000.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855/2013/HĐTDHM ngày 08/08/2013, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng tại thời điểm vay là 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 05/08/2014. Đối với các L/C đã được đảm bảo nguồn thanh toán theo Hợp đồng này trước thời hạn rút vốn cuối cùng thì việc rút vốn để thanh toán các L/C này vẫn có hiệu lực ngoài thời hạn trên;
- + Lãi suất cho vay: Được xác định tại Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp bằng tài sản bao gồm:
 - Quyền sử dụng khu dịch vụ thương mại và văn phòng cho thuê tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hà Nội;
 - Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 07 Triệu Việt Vương, Hà Nội;
 - Quyền thụ hưởng từ hợp đồng cho thuê tòa nhà tại số 07 Triệu Việt Vương;
 - Tài sản gắn liền với đất tại Phường Đông Hải - Quận Hải An - Hải Phòng;
 - Thế chấp tài sản hợp pháp của Bên thứ 3 tại Ngân hàng (nếu có);
 - Toàn bộ số dư tiền gửi bằng VND và ngoại tệ tại Ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác.

(2) Hợp đồng tín dụng số KHTHI120152/HM ngày 07/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 150.000.000.000 đồng (*Một trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*). Trong đó hạn mức cho vay là 130.000.000.000 đồng, hạn mức tín dụng phục vụ tài trợ thương mại là 20.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh, tài trợ thương mại và các mục đích khác không trái với quy định của pháp luật;
- + Thời hạn của hợp đồng: Phụ thuộc vào mục đích của khoản tín dụng. Thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được ghi trên từng giấy nhận nợ và không thay đổi trong suốt thời gian cấp tín dụng. Trường hợp khoản vay được cơ cấu lại thì lãi suất trên giấy nhận nợ được điều chỉnh phù hợp với mức lãi suất do Ngân hàng công bố tại thời điểm cơ cấu lại khoản vay;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

(3) Thông báo số 6289/TB-HS-TĐ ngày 26/08/2013 về việc tái cấp hạn mức tín dụng đối với Công ty như sau:

- + Hạn mức tín dụng: Giá trị hạn mức là 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng chẵn*). Trong đó, dư nợ tối đa đối với phương án xuất khẩu/nhập khẩu ủy thác là 30.000.000.000 đồng (*Ba mươi tỷ đồng*);
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, chiết khấu phục vụ hoạt động kinh doanh của khách hàng năm 2013-2014;
- + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 31/08/2014, thời gian vay không quá 06 tháng cho từng lần nhận nợ;
- + Lãi suất cho vay: Áp dụng theo quy định của MB từng thời kỳ;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Phụ thuộc vào mục đích sử dụng tiền vay, cụ thể:
 - Đối với phương án ứng trước thu mua hàng phục vụ xuất khẩu được áp dụng theo hình thức tín chấp;
 - Đối với phương án nhập khẩu được áp dụng theo hình thức thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay và quyền đòi nợ phát sinh từ phương án;
 - Khi dư nợ và dư LC từ trên 70 tỷ đồng trở lên, Công ty phải bổ sung thêm tài sản đảm bảo là giấy tờ có giá/bất động sản/phương tiện vận tải/máy móc thiết bị.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn (tiếp)

- (4) Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201300309/HĐTD ngày 31/10/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Tổng hạn mức tín dụng được cấp là 140.000.000.000 đồng (*Một trăm bốn mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động đáp ứng kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2013 - 2014;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 17/10/2014, thời hạn vay được quy định theo từng lần nhận nợ nhưng không quá 06 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay theo quy định của Agribank và Agribank chi nhánh Hoàng Mai tại từng thời điểm và được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.
- (5) Hợp đồng tín dụng số 01/2013-HĐTDHM/NHCT106-NGT ngày 11/09/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng trước ngày 31/12/2013 là 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng chẵn*), hạn mức tín dụng từ ngày 01/01/2014 đến 31/08/2014 là 80.000.000.000 đồng (*Tám mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng vay có hiệu lực từ ngày 11/09/2013 đến 31/08/2014, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng không quá 09 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể tại từng lần nhận nợ;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng:
 - Quyền đòi nợ luân chuyển giá trị tối thiểu bằng giá trị GHTD mà Ngân hàng đã cấp cho Công ty (không bao gồm các quyền đòi nợ chậm luân chuyển);
 - Đối với các lô hàng nhập khẩu được tài trợ bởi Ngân hàng Công thương thì Tài sản đảm bảo là lô hàng nhập khẩu, ngay khi giao hàng cho đối tác thì tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán lô hàng này.
- (6) Hợp đồng tín dụng số 2606/2013/HDHM-PN/SHB.HN.HM và Phụ lục Hợp đồng số 2606/2013/PLHD-PN/SHB.HN.HM ngày 26/06/2013, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 250.000.000.000 đồng (*Hai trăm năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC, bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của Công ty;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng, kể từ ngày 26/06/2013 đến ngày 26/06/2014;
 - + Lãi suất cho vay: Được áp dụng theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ, lãi suất vay được quy định cụ thể trên Khế ước nhận nợ được lập cho mỗi lần rút vốn vay;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về từ các hợp đồng kinh tế mà Ngân hàng tài trợ vốn/phát hành LC xuất khẩu/bảo lãnh.
- (7) Hợp đồng tín dụng số 0210/2012/HĐ/HĐTDHM ngày 18/10/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: Hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng chẵn*);
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh xuất nhập khẩu nông sản, lương thực thực phẩm, hàng công nghệ phẩm;
 - + Thời hạn của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong 12 tháng kể từ ngày 04/10/2012;
 - + Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay được tính bằng chi phí giá vốn tương ứng với kỳ điều chỉnh lãi suất của VIB + Biên độ sinh lời, chịu sự điều chỉnh theo quy định về lãi suất của VIB từng thời kỳ, phù hợp với quy định của Pháp luật;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được đảm bảo theo hình thức tín chấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	314.491.899	453.119.492
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	32.624.509
Thuế Thu nhập cá nhân	92.322.628	222.703.994
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	178.500.000
Các loại thuế khác	4.492.962	-
	411.307.489	886.947.995

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	461.419.275	279.627.341
Bảo hiểm xã hội	32.289.827	34.903.478
Bảo hiểm y tế	15.494.536	2.776.306
Bảo hiểm thất nghiệp	52.550	2.018.867
Phải trả cổ tức cho cổ đông khác	1.237.087.782	5.837.549.464
Phải trả cổ tức cho cổ đông vốn Nhà nước	-	2.305.358.500
Lãi trái phiếu phải trả	372.176.131	-
Phí bảo trì tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh, Hoàng Mai, Hà Nội	3.110.968.840	-
Phải trả, phải nộp khác	894.570.495	705.953.112
	6.124.059.436	9.168.187.068

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay dài hạn	51.300.000.000	57.800.000.000
Vay ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch ⁽¹⁾	51.300.000.000	57.800.000.000
	51.300.000.000	57.800.000.000

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(1) Hợp đồng tín dụng số 01.134855.2009/HĐTDH ngày 20/07/2009, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Số tiền ngân hàng cho vay: 130.000.000.000 VND (*Một trăm ba mươi tỷ đồng chẵn*);
- + Mục đích vay: Thanh toán chi phí đầu tư cho dự án "Khu dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở để bán" tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Thời hạn cho vay: Kể từ 20/07/2009 đến hết ngày 19/07/2017;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của Sở giao dịch Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam + 3% năm nhưng không vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố;
- + Hình thức bảo đảm tiền vay: Khoản vay được thế chấp toàn bộ khối tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có của tòa nhà cao tầng tại 130 Nguyễn Đức Cảnh, quận Hoàng Mai, Hà Nội;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 57.800.000.000 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 6.500.000.000 đồng.

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.500.000.000	3.000.000.000
Trong năm thứ hai	17.500.000.000	6.500.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	33.800.000.000	51.300.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(6.500.000.000)	(3.000.000.000)
Số phải trả sau 12 tháng	51.300.000.000	57.800.000.000

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2013	Tỷ lệ	01/01/2013
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của TCT Kinh doanh vốn Nhà nước	0,00%	46.109.770.000	0,00%	46.109.770.000
Vốn góp của Công ty CP Chứng khoán phố Wall	0,00%	8.099.520.000	0,00%	#REF!
Vốn góp của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	0,00%	#REF!	0,00%	9.686.360.000
Vốn góp của cổ đông khác	0,00%	71.739.280.000	0,00%	70.152.440.000
	0%	#REF!	0%	#REF!

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125.948.570.000	125.948.570.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>125.948.570.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>125.948.570.000</i>	<i>125.948.570.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	#REF!	#REF!
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>7.556.890.600</i>	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay</i>	<i>#REF!</i>	<i>#REF!</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2013	01/01/2013
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.594.857	12.594.857
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.594.857	12.594.857
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.594.857</i>	<i>12.594.857</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>41</i>	<i>41</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.594.816	12.594.816
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.594.816</i>	<i>12.594.816</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	133.260.491.891	133.260.491.891
Quỹ dự phòng tài chính	25.289.164.326	24.735.247.692
	158.549.656.217	157.995.739.583

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.714.513.253.026	2.040.364.634.670
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.596.632.879	41.210.013.190
Doanh thu bán bất động sản	48.470.623.065	-
	1.786.580.508.970	2.081.574.647.860

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.663.230.638.017	2.004.725.715.326
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	10.129.065.504	8.704.367.301
Giá vốn của bất động sản đã bán	45.878.196.610	-
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	367.529.170	-
	1.719.605.429.301	2.013.430.082.627

21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	13.045.093.527	6.668.365.217
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	78.636.000	1.941.770.434
Cổ tức, lợi nhuận được chia	26.607.192.600	32.907.389.860
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.532.460.398	11.607.384.963
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	164.885.195	338.181.128
	45.428.267.720	53.463.091.602

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

22 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Lãi tiền vay	43.655.960.895	44.540.716.367
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	27.921	11.342.968.553
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	14.963.646.535	10.478.586.213
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.209.226.085	(10.749.644.800)
Chi phí tài chính khác	48.423.403	1.171.331.272
	60.877.284.839	56.783.957.605

23 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	76.071.817	273.000
Chi phí nhân công	8.313.444.931	8.993.806.815
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.639.339.265	1.604.637.874
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.336.043.222	18.258.488.955
Chi phí khác bằng tiền	2.133.499.784	1.876.232.672
	30.498.399.019	30.733.439.316

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	140.922.317	159.498.326
Chi phí nhân công	6.696.148.396	7.456.713.361
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.938.027	329.864.684
Thuế, phí, lệ phí	266.334.002	399.393.761
Chi phí dự phòng	1.550.224.227	8.714.494.666
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.345.965.963	4.713.209.862
Chi phí khác bằng tiền	1.624.818.145	1.210.082.812
	16.892.351.077	22.983.257.472

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

25 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	500.913.981	33.818.182
Thu nhập từ xử lý nợ phải trả	3.736.440.918	-
Phạt vi phạm hợp đồng	530.769.700	-
Thu nhập khác	380.978.122	263.014.339
	5.149.102.721	296.832.521

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	497.785.146	13.584.072
Chi phí khấu hao không đủ điều kiện là chi phí hợp lý, hợp lệ	106.220.000	106.220.000
Chi phí nộp phạt vi phạm hành chính	572.529.627	174.982.850
Chi phí khác	229.731.867	30.715.343
	1.406.266.640	325.502.265

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.885.054.411	11.078.332.698
Các khoản điều chỉnh tăng	998.833.012	318.179.385
- Chi phí không hợp lệ	908.481.494	318.179.385
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ của khoản mục Tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng năm 2012	80.379.405	-
- Lỗ do đánh giá lại số dư cuối kỳ	9.972.113	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(69.699.794.022)	(54.489.113.505)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(26.607.192.600)	(32.907.389.860)
- Chuyển lỗ các năm trước	(43.092.601.422)	(21.501.344.240)
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ có gốc ngoại tệ của khoản mục Tiền gửi ngân hàng và phải thu khách hàng	-	(80.379.405)
Tổng thu nhập tính thuế	(62.815.906.599)	(43.092.601.422)
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản; chuyển nhượng	-	-
- Thu nhập tính thuế còn lại	(62.815.906.599)	(43.092.601.422)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành của HĐKD chính	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(359.564.642)	(523.927.480)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(43.152.917)	(347.389.732)
Thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính bù trừ với tiền nộp thuế KDBĐS	-	511.752.570
Tiền thuế TNDN phải nộp cuối năm của HĐKD chính	(402.717.559)	(359.564.642)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản

Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	1.993.094.124	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	1.993.094.124	51.175.257.000
- Tổng số tiền nhận trước từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	-	51.175.257.000
- Thu nhập tính thuế còn lại	1.993.094.124	51.175.257.000
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	1%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	498.273.531	511.752.570

Chi phí thuế TNDN hiện hành của HĐKD BĐS

498.273.531	511.752.570
--------------------	--------------------

Các khoản tạm nộp trên số tiền thu trước của HĐKD BĐS	(511.752.570)	-
Thuế TNDN được bù trừ giữa tiền nộp thừa thuế TNDN hoạt động kinh doanh chính và hoạt động KDBĐS	-	(511.752.570)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm

(13.479.039)	-
---------------------	----------

Tổng số thuế TNDN phải nộp cuối năm

(416.196.598)	(359.564.642)
----------------------	----------------------

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

31/12/2013	01/01/2013
VND	VND

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	511.752.570	511.752.570
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	(511.752.570)	-

-	511.752.570
----------	--------------------

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	7.379.875.004	11.078.332.698
Các khoản điều chỉnh	(560.210.648)	(421.762.184)
- Lợi nhuận trả cho Công ty TNHH Kowa	(560.210.648)	(421.762.184)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	6.819.664.356	10.656.570.514
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	12.594.816	12.367.714

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

541	862
------------	------------

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	216.994.134	2.718.806.711
Chi phí nhân công	15.505.920.786	26.710.989.219
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.223.739.018	2.198.878.697
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.477.856.032	25.727.309.554
Chi phí khác bằng tiền	9.545.081.403	4.202.381.548
	55.969.591.373	61.558.365.729

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.314.277.690	-	102.568.408.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	177.713.027.472	(25.065.813.822)	245.936.160.675
Đầu tư ngắn hạn	14.369.559.743	(5.811.291.864)	14.575.551.664
Đầu tư dài hạn	164.077.449.141	-	164.077.449.141
	420.474.314.046	(30.877.105.686)	527.157.570.252

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2013	01/01/2013
		VND	VND
Nợ phải trả tài chính			
Vay và nợ		576.070.268.018	533.175.511.812
Phải trả người bán, phải trả khác		21.150.419.057	100.076.768.554
Chi phí phải trả		-	459.118.623
		597.220.687.075	633.711.398.989

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	64.314.277.690	-	-	64.314.277.690
Phải thu khách hàng, phải thu khác	152.647.213.650	-	-	152.647.213.650
Đầu tư ngắn hạn	8.558.267.879	-	-	8.558.267.879
Đầu tư dài hạn	-	164.077.449.141	-	164.077.449.141
	225.519.759.219	164.077.449.141	-	389.597.208.360
Tại ngày 01/01/2013				
Tiền và các khoản tương đương tiền	102.568.408.772	-	-	102.568.408.772
Phải thu khách hàng, phải thu khác	222.420.571.080	-	-	222.420.571.080
Đầu tư ngắn hạn	8.867.636.743	-	-	8.867.636.743
Đầu tư dài hạn	-	164.077.449.141	-	164.077.449.141
	333.856.616.595	164.077.449.141	-	497.934.065.736

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2013				
Vay và nợ	524.770.268.018	51.300.000.000	-	576.070.268.018
Phải trả người bán, phải trả khác	21.130.419.057	20.000.000	-	21.150.419.057
	545.900.687.075	51.320.000.000	-	597.220.687.075
Tại ngày 01/01/2013				
Vay và nợ	475.375.511.812	57.800.000.000	-	533.175.511.812
Phải trả người bán, phải trả khác	96.340.327.636	3.736.440.918	-	100.076.768.554
Chi phí phải trả	459.118.623	-	-	459.118.623
	572.174.958.071	61.536.440.918	-	633.711.398.989

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và lĩnh vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**
năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013**33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Góp vốn vào công ty			
Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	-	1.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	9.000.000.000	8.486.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu VN	Đầu tư khác	17.582.348.700	24.101.089.860
Lãi vay phải thu			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	-	214.859.741
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	334.469.333	458.574.030

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2013</u> VND	<u>01/01/2013</u> VND
Phải thu ứng trước tiền hàng			
Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh	Công ty liên kết	6.375.353.102	6.734.945.039
Công ty CP Bất động sản Tổng hợp I	Công ty liên kết	1.955.958.000	1.268.667.900
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	Công ty liên kết	18.123.365.538	16.742.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2013</u> VND	<u>Năm 2012</u> VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.726.896.815	1.556.887.523

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (nay là Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại và trình bày lại</u> VND	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u> VND
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	862	834
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.190.718.384.598	2.089.418.784.164
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(2.124.496.338.253)	(2.026.246.500.253)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(98.249.838.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	101.299.600.434

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Hà

Lê Xuân Chất

Phạm Minh Sơn